

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách được hưởng miễn học phí của sở giáo dục công lập
Học kỳ II năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON GIAO LONG

- Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

- Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách năm 2025 cho UBND các xã, phường để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách;

- Căn cứ Công văn số 927/SGDDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 532/UBND-PKT ngày 28/10/2025 của UBND xã Giao Hưng V/v triển khai chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP; TT42.

- Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Giao Hưng về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của UBND xã Giao Hưng về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã;

- Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Giao Hưng về việc điều chỉnh mã nguồn dự toán ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập xã Giao Hưng năm 2026;

Căn cứ hồ sơ xét duyệt của học sinh;

Xét ý kiến thống nhất của Hội đồng xét duyệt miễn học phí cho học sinh
Học kỳ II – Năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt danh sách học sinh được miễn học phí Học kỳ II năm học 2025 – 2026 như sau:

- Tổng số học sinh được miễn học phí học kỳ II năm học 2025-2026 là: 362 học sinh (Có danh sách chi tiết kèm theo).

Tổng số kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí năm học 2025-2026 là: 287.200.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Điều 2: Hội đồng xét duyệt giao cho giáo viên chủ nhiệm các lớp có học sinh trong các danh sách ở Điều 1 thông báo đến học sinh và phối hợp với bộ phận tài vụ nhà trường để tổ chức thực hiện công tác miễn học phí và hỗ trợ CPHT theo quy định.

Điều 3: Bộ phận văn phòng, tài vụ nhà trường. Hội đồng xét duyệt của đơn vị, giáo viên chủ nhiệm lớp và các học sinh có tên trong Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



Lê Thị Hué

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ MIỄN HỌC PHÍ

Học kỳ II Năm học 2025 - 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

(Kèm theo quyết định số 28 /QĐ-MNGL, ngày 02/03/ 2026 của Hiệu trưởng Trường MN Giao Long)

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu(1học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
Tổng số					57.920	362	57.920	1.795	287.200	287.200	
1	Phùng Trần Bảo An	A5	Trần Thị Thương	1	160	1	160	5	800	800	Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí
2	Roãn Bảo An	A5	Roãn Văn Tuyển	1	160	1	160	5	800	800	
3	Nguyễn Trường An	A5	Nguyễn Văn Chế	1	160	1	160	5	800	800	
4	Trần Hà Anh	A5	Trần Văn Cương	2	160	1	160	5	800	800	
5	Nguyễn Minh Anh	A5	Nguyễn Văn Yên	3	160	1	160	5	800	800	
6	Đỗ Gia Bảo	A5	Đỗ Văn Tuyển	2	160	1	160	5	800	800	
7	Nguyễn Thị Ngọc Châm	A5	Nguyễn Văn Mạnh	1	160	1	160	5	800	800	
8	Trần Ngọc Diệp	A5	Trần Văn Tuấn	2	160	1	160	5	800	800	
9	Trần Văn Dương	A5	Trần Văn Cấp	2	160	1	160	5	800	800	
10	Ngô An Đức	A5	Ngô Văn Khoa	1	160	1	160	5	800	800	
11	Trần Đình Đức	A5	Trần Đình An	2	160	1	160	5	800	800	
12	Trần Hữu Đức	A5	Trần Hữu Minh	2	160	1	160	5	800	800	
13	Dương Ngọc Hà	A5	Dương Thị Trang	1	160	1	160	5	800	800	
14	Hoàng Thanh Hà	A5	Hoàng Văn Kiêm	1	160	1	160	5	800	800	
15	Hoàng Quang Hải	A5	Hoàng Phúc Hưng	2	160	1	160	5	800	800	
16	Trần Trung Hiếu	A5	Trần Văn Huy	1	160	1	160	5	800	800	
17	Trần Phúc Hoàn	A5	Trần Văn Hưng	2	160	1	160	5	800	800	
18	Lê Thiên Kim	A5	Lê Văn Phiên	2	160	1	160	5	800	800	
19	Trần Anh Khoa	A5	Trần Xuân Quỳnh	2	160	1	160	5	800	800	
20	Nguyễn Minh Khôi	A5	Nguyễn Văn Thư	3	160	1	160	5	800	800	
21	Phạm Tuệ Linh	A5	Phạm Xuân Huy	3	160	1	160	5	800	800	
22	Trần Ngọc Phương Ly	A5	Trần Ngọc Thiều	2	160	1	160	5	800	800	
23	Nguyễn Nhật Minh	A5	Nguyễn Văn Hinh	1	160	1	160	5	800	800	
24	Trần Thị Kim Ngân	A5	Trần Văn Quán	2	160	1	160	5	800	800	
25	Trần Diệu Ngọc	A5	Trần Văn Sự	2	160	1	160	5	800	800	
26	Trần Thị Kiều Nhân	A5	Trần Minh Hiếu	2	160	1	160	5	800	800	
27	Lê Tâm Như	A5	Lê Văn Tuyển	2	160	1	160	5	800	800	
28	Đặng Nam Phong	A5	Đặng Nam Hải		160	1	160	5	800	800	
29	Nguyễn Hải Thanh	A5	Nguyễn Văn Thành	2	160	1	160	5	800	800	
30	Trần Mạnh Tiến	A5	Trần Văn Hoàn	3	160	1	160	5	800	800	
31	Nguyễn Xuân Trường	A5	Nguyễn Văn Bằng	3	160	1	160	5	800	800	

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu (1 học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỀN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
32	Bùi Ngọc Xuân	A5	Bùi Tuấn Khanh	2	160	1	160	5	800	800	Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí
33	Trần Văn Xuân	A5	Trần Văn Nghi	1	160	1	160	5	800	800	
34	Nguyễn Hải Yến	A5	Nguyễn Văn Giáp	1	160	1	160	5	800	800	
35	Lê Thảo Nhi	A5	Lê Xuân Tuyền	1	160	1	160	5	800	800	
36	Phạm Bảo An	B5	Phạm Văn Bình	3	160	1	160	5	800	800	
37	Vũ Thế Anh	B5	Vũ Văn Toàn	3	160	1	160	5	800	800	
38	Vũ Minh Anh	B5	Vũ Văn Toàn	3	160	1	160	5	800	800	
39	Trần Mai Anh	B5	Trần Văn Sinh	3	160	1	160	5	800	800	
40	Lã Khánh Chi	B5	Lã Ngọc Hưng	3	160	1	160	5	800	800	
41	Đoàn Bảo Châu	B5	Đoàn Văn Công	3	160	1	160	5	800	800	
42	Bùi Anh Dương	B5	Bùi Văn Chính	3	160	1	160	5	800	800	
43	Nguyễn Hoàng Dương	B5	Nguyễn Văn Quyết	xã Giao Thủy	160	1	160	5	800	800	
44	Ngô Thị Diệp	B5	Ngô Văn Tinh	5	160	1	160	5	800	800	
45	Ngô Hải Đăng	B5	Ngô Xuân Cẩn		160	1	160	5	800	800	
46	Nguyễn Minh Đăng	B5	Nguyễn Văn Quang	3	160	1	160	5	800	800	
47	Trịnh Gia Huy	B5	Trịnh Văn Ninh	4	160	1	160	5	800	800	
48	Vũ Tuấn Hoàng	B5	Vũ Văn Nam	4	160	1	160	5	800	800	
49	Phạm Việt Khang	B5	Phạm Đình Độ	3	160	1	160	5	800	800	
50	Trần Gia Khánh	B5	Trần Anh Đức	4	160	1	160	5	800	800	
51	Vũ Đình Khôi	B5	Vũ Văn Đại	4	160	1	160	5	800	800	
52	Trần Mai Đức Minh	B5	Trần Văn Thuận	4	160	1	160	5	800	800	
53	Trịnh Hà My	B5	Trịnh Văn Đán	4	160	1	160	5	800	800	
54	Nguyễn Hoài Nam	B5	Nguyễn Văn Ninh	4	160	1	160	5	800	800	
55	Nguyễn Xuân Phúc	B5	Nguyễn Tiến Dũng		160	1	160	5	800	800	
56	Lương Khánh Ngọc	B5	Lương Xuân Tân		160	1	160	5	800	800	
57	Đoàn Minh Quang	B5	Đoàn Xuân Huỳnh	4	160	1	160	5	800	800	
58	Đoàn Đức Trung	B5	Đoàn Văn Tuấn	3	160	1	160	5	800	800	
59	Nguyễn Trần Anh Thư	B5	Nguyễn Văn Đông	4	160	1	160	5	800	800	
60	Ngô Quốc Toàn	B5	Ngô Văn Tuấn	4	160	1	160	5	800	800	
61	Ngô Văn Thái	B5	Ngô Văn Thiệp	4	160	1	160	5	800	800	
62	Mai Thị Hải Yến	B5	Mai Văn Dương	4	160	1	160	5	800	800	
63	Nguyễn Hoài An	B5	Nguyễn Văn Hoạt	xã Hồng Phong	160	1	160	5	800	800	
64	Đình Bảo An	C5	Đình Văn Tới	7	160	1	160	5	800	800	
65	Đình Hoàng Anh	C5	Đình Văn Oai	7	160	1	160	5	800	800	
66	Đình Minh Anh	C5	Đình Văn Đạt	7	160	1	160	5	800	800	
67	Nguyễn Hà Anh	C5	Nguyễn Quốc Đạt	7	160	1	160	5	800	800	

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu(1học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
68	Vũ Việt Anh	C5	Vũ Văn Trung	7	160	1	160	5	800	800	
69	Trần Thị Lan Chi	C5	Trần Văn Hiếu	7	160	1	160	5	800	800	
70	Lương Ngọc Diệp	C5	Lương Văn Đăng	7	160	1	160	5	800	800	
71	Phạm Anh Dũng	C5	Phạm Xuân Lương	7	160	1	160	5	800	800	
72	Trần Hữu Quốc Đại	C5	Trần Văn Nam	3	160	1	160	5	800	800	
73	Phạm Ngọc Hân	C5	Phạm Văn Nhật	7	160	1	160	5	800	800	
74	Trần Bảo Hân	C5	Nguyễn Thị Vi	7	160	1	160	5	800	800	
75	Trần Ngọc Hân	C5	Trần Ngọc Hoàn	7	160	1	160	5	800	800	
76	Đình Bảo Khang	C5	Đình Quang Đoán	7	160	1	160	5	800	800	
77	Nguyễn Gia Khánh	C5	Nguyễn Văn Quỳnh	7	160	1	160	5	800	800	
78	Đoàn Thị Khánh Linh	C5	Đoàn Văn Cường	5	160	1	160	5	800	800	
79	Bùi Thị Kim Ngân	C5	Bùi Văn Hoài	7	160	1	160	5	800	800	
80	Nguyễn Bảo Ngọc	C5	Nguyễn Văn Ninh	3	160	1	160	5	800	800	
81	Đình Bảo Nguyên	C5	Đình Quang Đoán	7	160	1	160	5	800	800	
82	Vũ An Nguyên	C5	Vũ Văn Tuyển	3	160	1	160	5	800	800	
83	Bùi Huy Phong	C5	Bùi Huy Bắc	7	160	1	160	5	800	800	
84	Đỗ Thiên Thành	C5	Đỗ Văn Vi	7	160	1	160	5	800	800	
85	Trần Phương Thảo	C5	Trần Văn Thanh	7	160	1	160	5	800	800	
86	Lưu Viết Gia Tuệ	C5	Nguyễn Thị Vân	5	160	1	160	5	800	800	
87	Trần Anh Thư	C5	Trần Văn Hoàn	5	160	1	160	5	800	800	
88	Trần Minh Thư	C5	Trần Văn Khương	7	160	1	160	5	800	800	
89	Phạm Thị Minh Thư	C5	Phạm Văn Thịnh	7	160	1	160	5	800	800	
90	Trần Mai Thảo Vy	C5	Trần Anh Tuấn	7	160	1	160	5	800	800	
91	Trần Minh Tiến	C5	Trần Văn Thành	5	160	1	160	5	800	800	
92	Đình Minh Anh	D5	Đình Văn Duy	6	160	1	160	5	800	800	
93	Đình Ngọc Anh	D5	Đình Văn Doanh	6	160	1	160	5	800	800	
94	Trần Phương Anh	D5	Trần Văn Hội	4	160	1	160	5	800	800	
95	Tạ Nhật Tuấn Anh	D5	Tạ Quang Hoàng	7	160	1	160	5	800	800	
96	Vũ Minh Đăng	D5	Vũ Văn Hòa	5	160	1	160	5	800	800	
97	Trần Anh Đức	D5	Trần Văn Duy	5	160	1	160	5	800	800	
98	Phạm Minh Đức	D5	Phạm Thị La	6	160	1	160	5	800	800	
99	Mai Ngọc Hà	D5	Mai Văn Khở	6	160	1	160	5	800	800	
100	Đặng Bảo Hân	D5	Đặng Văn Tùng	5	160	1	160	5	800	800	
101	Lê Bảo Hân	D5	Lê Tuấn Phong	4	160	1	160	5	800	800	
102	Đào Duy Hiếu	D5	Đào Duy Thắng	6	160	1	160	5	800	800	
103	Lương Đức Huy	D5	Lương Văn Nam	5	160	1	160	5	800	800	

Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu (1 học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
104	Trần Gia Huy	D5	Trần Thanh Phú	7	160	1	160	5	800	800	Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí
105	Trịnh Đức Khánh	D5	Trịnh Văn Đông	3	160	1	160	5	800	800	
106	Trần Hà Linh	D5	Trần Duy Thiện	4	160	1	160	5	800	800	
107	Ngô Thùy Linh	D5	Ngô Văn Hiệu	6	160	1	160	5	800	800	
108	Bùi Hoàn Mỹ	D5	Bùi Tuấn Anh	5	160	1	160	5	800	800	
109	Trần Hà My	D5	Trần Văn Thuận	Giao Phúc	160	1	160	5	800	800	
110	Trần Thảo My	D5	Trần Văn Phong	5	160	1	160	5	800	800	
111	Trần Ngọc Khánh Nhi	D5	Trần Xuân Dương	5	160	1	160	5	800	800	
112	Trần Thị An Nhiên	D5	Trần Ngọc Tấn	5	160	1	160	5	800	800	
113	Trần Thị Bảo Ngọc	D5	Trần Văn Hiến	5	160	1	160	5	800	800	
114	Trần Khánh Ngọc	D5	Trần Văn Nguyên	6	160	1	160	5	800	800	
115	Phạm Hồng Quân	D5	Phạm Văn Vương	Giao Thủy	160	1	160	5	800	800	
116	Trần Minh Quân	D5	Trần Quốc Bảo	2	160	1	160	5	800	800	
117	Phạm Như Quỳnh	D5	Phạm Như Du	3	160	1	160	5	800	800	
118	Trần Khánh Thu	D5	Trần Văn Tú	6	160	1	160	5	800	800	
119	Đặng Thùy Trâm	D5	Đặng Văn Đáng	3	160	1	160	5	800	800	
120	Phạm Minh Triết	D5	Phạm Văn Công	6	160	1	160	5	800	800	
121	Trần Trịnh Phương Vy	D5	Trần Đình Lạc		160	1	160	5	800	800	
122	Nguyễn Hà Anh	A4	Nguyễn Văn Dũng	3	160	1	160	5	800	800	
123	Trần Ngọc Anh	A4	Trần Ngọc Mạnh	2	160	1	160	5	800	800	
124	Lưu Thu An	A4	Lưu Văn Việt	2	160	1	160	5	800	800	
125	Nguyễn Minh Anh	A4	Nguyễn Văn Hương	4	160	1	160	5	800	800	
126	Trần Bảo Châu	A4	Trần Đình Lưu	3	160	1	160	5	800	800	
127	Trần Thị Lan Chi	A4	Trần Hữu Chí	2	160	1	160	5	800	800	
128	Bùi Ánh Dương	A4	Bùi Văn Hưng	3	160	1	160	5	800	800	
129	Vũ Anh Dương	A4	Vũ Văn Duy	4	160	1	160	5	800	800	
130	Hoàng Phúc Đức	A4	Hoàng Phúc Tuấn	2	160	1	160	5	800	800	
131	Trần Thành Đạt	A4	Trần Ngọc Đáng	1	160	1	160	5	800	800	
132	Lê Trường Giang	A4	Lê Văn Toàn	3	160	1	160	5	800	800	
133	Nguyễn Bảo Hân	A4	Nguyễn Văn Bảo	3	160	1	160	5	800	800	
134	Trần Gia Huy	A4	Trần Văn Bảo	2	160	1	160	5	800	800	
135	Trần Thị Khánh Hạ	A4	Trần Văn Diện	2	160	1	160	5	800	800	
136	Trần Thu Hiền	A4	Trần Văn Bình	4	160	1	160	5	800	800	
137	Đoàn Trần Đình Khiêm	A4	Đoàn Văn Cung	4	160	1	160	5	800	800	
138	Phạm Gia Khang	A4	Phạm Văn Việt	4	160	1	160	5	800	800	
139	Nguyễn Hữu Duy Khang	A4	Nguyễn Duy Thức	3	160	1	160	5	800	800	

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu(1học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
140	Nguyễn Minh Khôi	A4	Nguyễn Văn Sơn	3	160	1	160	5	800	800	
141	Đào Duy Nhất	A4	Đào Văn Vương	3	160	1	160	5	800	800	
142	Hoàng Phúc Tài	A4	Hoàng Phúc Tuấn	2	160	1	160	5	800	800	
143	Nguyễn Khánh Vy	A4	Nguyễn Văn Biên	3	160	1	160	5	800	800	
144	Trần Ngọc Anh	B4	Trần Văn Duy	2	160	1	160	5	800	800	
145	Trần Tuấn Dương	B4	Trần Đình Toàn	2	160	1	160	5	800	800	
146	Trần Duy Hạo	B4	Trần Duy Biên	Xóm Hải Giang	160	1	160	5	800	800	
147	Phạm Gia Hân	B4	Phạm Văn Khoản	1	160	1	160	5	800	800	
148	Lê Minh Hiếu	B4	Lê Văn Hinh	1	160	1	160	5	800	800	
149	Vũ Bùi Trọng Hiếu	B4	Vũ Văn Tiến	4	160	1	160	5	800	800	
150	Trần Tuấn Hưng	B4	Trần Văn Hào	2	160	1	160	5	800	800	
151	Phạm Văn Khánh	B4	Phạm Thọ Khá	1	160	1	160	5	800	800	
152	Trần Minh Khuê	B4	Trần Thanh Tuyển	1	160	1	160	5	800	800	
153	Nguyễn Tuệ Lâm	B4	Nguyễn Thị Nguyệt	1	160	1	160	5	800	800	
154	Nguyễn Khánh Linh	B4	Nguyễn Văn Sỹ	3	160	1	160	5	800	800	
155	Trần Bao Long	B4	Trần Văn Tiêm	1	160	1	160	5	800	800	
156	Trần Hải Minh	B4	Trần Văn Lý	1	160	1	160	5	800	800	
157	Trần Hà My	B4	Trần Văn Trinh	1	160	1	160	5	800	800	
158	Trần Duy Nam	B4	Trần Duy Huy	3	160	1	160	5	800	800	
159	Phạm Khánh Nam	B4	Phạm Văn Hưng	1	160	1	160	5	800	800	
160	Đỗ Khôi Nguyên	B4	Đỗ Văn Thắng	1	160	1	160	5	800	800	
161	Nguyễn Tấn Phát	B4	Nguyễn Văn Thắng	2	160	1	160	5	800	800	
162	Trần Đình Phúc	B4	Trần Đình Long	2	160	1	160	5	800	800	
163	Hoàng T Trúc Tiên	B4	Phạm Văn Trịnh	1	160	1	160	5	800	800	
164	Hoàng Anh Tú	B4	Hoàng Thế Kiểm	2	160	1	160	5	800	800	
165	Trần Ngọc Thái	B4	Trần Văn Thiện	2	160	1	160	5	800	800	
166	Trần Khánh Thư	B4	Trần Văn Vượng	1	160	1	160	5	800	800	
167	Phạm Ngọc Yến	B4	Phạm Văn Khởi	1	160	1	160	5	800	800	
168	Đỗ Bảo Châu Anh	C4	Bùi Thị Thùy	5	160	1	160	5	800	800	
169	Ngô Minh Anh	C4	Ngô Thế Hoàn	5	160	1	160	5	800	800	
170	Khổng Quang Anh	C4	Khổng Văn Khu	Tiến Thọ	160	1	160	5	800	800	
171	Trần Bảo Anh	C4	Trần Văn Quân	5	160	1	160	5	800	800	
172	Nguyễn Dương Ngọc Ánh	C4	Nguyễn Thành Thiêm	Thôn Trung Tân	160	1	160	5	800	800	
173	Trần Lê Gia Bảo	C4	Trần Văn Tuyển	1	160	1	160	2	320	320	
174	Đoàn Bảo Châu	C4	Đoàn Văn Hiệu	4	160	1	160	5	800	800	
175	Trần Hoàng Doanh	C4	Trần Văn Diễn	5	160	1	160	5	800	800	

Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu (1 học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BU MIEN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
176	Trần Duy Đăng	C4	Trần Văn Giảng	1	160	1	160	5	800	800	
177	Hoàng Minh Hải	C4	Hoàng Hồng Công	5	160	1	160	5	800	800	
178	Hoàng Gia Huy	C4	Hoàng Văn Cẩn	3	160	1	160	5	800	800	
179	Mai Nhật Huy	C4	Mai Xuân Tuyền	5	160	1	160	5	800	800	
180	Đỗ Tuấn Hưng	C4	Đỗ Văn Hùng	Xuân Hoành	160	1	160	5	800	800	
181	Trịnh Gia Hưng	C4	Trịnh Văn Sáng	5	160	1	160	5	800	800	
182	Đoàn Minh Khôi	C4	Đoàn Văn Tuyền	5	160	1	160	5	800	800	
183	Trần Nhật Minh	C4	Trần Văn Đình	5	160	1	160	5	800	800	
184	Nguyễn Hải Nam	C4	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Châm	160	1	160	5	800	800	
185	Nguyễn An Nhiên	C4	Nguyễn Văn Tùng	6	160	1	160	5	800	800	
186	Đặng Hiếu Nghĩa	C4	Đặng Văn Hội	6	160	1	160	5	800	800	
187	Đoàn Khánh Ngọc	C4	Đoàn Văn Chinh	5	160	1	160	5	800	800	
188	Phan Duy Phong	C4	Phan Văn Phú	4	160	1	160	5	800	800	
189	Đặng Tuấn Tú	C4	Đặng Văn Tuyền	6	160	1	160	5	800	800	
190	Đoàn Yến Trang	C4	Đoàn Phú Quốc	5	160	1	160	5	800	800	
191	Đoàn Hà Vy	C4	Đoàn Văn Vân	5	160	1	160	5	800	800	
192	Đình Đức Anh	D4	Đình Quốc Oai	7	160	1	160	5	800	800	
193	Bùi Thị Minh Châu	D4	Bùi Văn Bách	7	160	1	160	5	800	800	
194	Đặng Phạm Thành Công	D4	Đặng Văn Thiện	6	160	1	160	5	800	800	
195	Vũ Đức Đàm	D4	Vũ Đức Điều	6	160	1	160	5	800	800	
196	Bùi Khánh Đăng	D4	Bùi Văn Đán	7	160	1	160	5	800	800	
197	Trần Gia Hân	D4	Trần Mạnh Hưng	5	160	1	160	5	800	800	
198	Lưu Gia Huy	D4	Lưu Thế Hào	7	160	1	160	5	800	800	
199	Trần Gia Huy	D4	Trần Văn Sinh	3	160	1	160	5	800	800	
200	Nguyễn Phúc Khang	D4	Nguyễn Thành Trung	6	160	1	160	5	800	800	
201	Trần Bảo Khang	D4	Trần Văn Khánh	4	160	1	160	5	800	800	
202	Đình Diệu Linh	D4	Đình Văn Minh	7	160	1	160	5	800	800	
203	Nguyễn Quang Linh	D4	Nguyễn Quang Lắm	7	160	1	160	2	320	320	
204	Vũ Hà Linh	D4	Vũ Xuân Đình	6	160	1	160	5	800	800	
205	Vũ Thủy Linh	D4	Vũ Văn Sơn	7	160	1	160	5	800	800	
206	Trần Vũ Hoàng Long	D4	Trần Ngân Giang	6	160	1	160	5	800	800	
207	Phạm Vũ Thanh Lộc	D4	Phạm Văn Soái	4	160	1	160	5	800	800	
208	Đình Diễm My	D4	Đình Thế Roãn	7	160	1	160	5	800	800	
209	Mai Thảo My	D4	Mai Văn Cao	6	160	1	160	5	800	800	
210	Mai Trà My	D4	Mai Văn Chiến	6	160	1	160	5	800	800	
211	Bùi Bảo Ngọc	D4	Bùi Quang Thuận	7	160	1	160	5	800	800	

Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu(1học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BU MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
212	Trịnh Văn Thịnh	D4	Trịnh Văn Hào	6	160	1	160	5	800	800	
213	Nguyễn Diệu An	A3	Nguyễn Văn Tuấn	2	160	1	160	5	800	800	
214	Nguyễn Mai Anh	A3	Nguyễn Văn Yên	3	160	1	160	5	800	800	
215	Trần Quỳnh Anh	A3	Trần Văn Cường	2	160	1	160	5	800	800	
216	Nguyễn Minh Châu	A3	Nguyễn Thành Khương	3	160	1	160	5	800	800	
217	Đào Linh Chi	A3	Đào Văn Vương	3	160	1	160	5	800	800	
218	Đặng Linh Chi	A3	Đặng Văn Khánh	3	160	1	160	5	800	800	
219	Trần Quỳnh Chi	A3	Trần Văn Thắng	2	160	1	160	5	800	800	
220	Lê Huyền Diệu	A3	Lê Văn Luận	2	160	1	160	5	800	800	
221	Hoàng Ngọc Ánh Dương	A3	Hoàng Đức Khiết	3	160	1	160	5	800	800	
222	Bùi Minh Đức	A3	Bùi Văn Đạt	3	160	1	160	5	800	800	
223	Trần Thị Minh Hằng	A3	Trần Văn Thắng	4	160	1	160	5	800	800	
224	Vũ Gia Hân	A3	Vũ Văn Thạch	4	160	1	160	5	800	800	
225	Phạm Quốc Hưng	A3	Phạm Văn Huệ	2	160	1	160	5	800	800	
226	Đỗ Phạm Diệu Linh	A3	Đỗ Văn Bằng	3	160	1	160	5	800	800	
227	Nguyễn Diệu Linh	A3	Nguyễn Văn Duy	3	160	1	160	5	800	800	
228	Trần Khánh Linh	A3	Trần Văn Quảng	3	160	1	160	5	800	800	
229	Lê Thiên Mỹ	A3	Lê Văn Phiên	2	160	1	160	5	800	800	
230	Lê Thị An Nhiên	A3	Lê Văn Tinh	2	160	1	160	5	800	800	
231	Phạm Ngọc Minh Trí	A3	Phạm Văn Huy	3	160	1	160	5	800	800	
232	Trần Công Trí	A3	Trần Văn Thịnh	2	160	1	160	5	800	800	
233	Đặng Lê Minh Phúc	A3	Đặng Văn Tú	3	160	1	160	5	800	800	
234	Đoàn Bảo An	B3	Đoàn Văn Định	Xã Giao Phúc	160	1	160	5	800	800	
235	Lê Quỳnh Anh	B3	Lê Văn Quyết	1	160	1	160	5	800	800	
236	Trần Thảo Anh	B3	Trần Văn Toán	2	160	1	160	5	800	800	
237	Trần Thùy Diễm	B3	Trần Văn Doanh	1	160	1	160	5	800	800	
238	Lê Ngọc Diệp	B3	Lê Văn Vinh	1	160	1	160	5	800	800	
239	Trần Ngọc Diệp	B3	Trần Văn Lý	1	160	1	160	5	800	800	
240	Nguyễn Hải Đăng	B3	Nguyễn Đăng Khoa	1	160	1	160	5	800	800	
241	Lê Trường Tuệ Đức	B3	Lê Trường An	1	160	1	160	5	800	800	
242	Nguyễn Bảo Hân	B3	Nguyễn Thế Hiệp	1	160	1	160	5	800	800	
243	Trần Duy Hoa	B3	Trần Văn Thái	1	160	1	160	5	800	800	
244	Phạm Thanh Huyền	B3	Phạm Văn Khôi	1	160	1	160	5	800	800	
245	Đỗ Minh Khôi	B3	Đỗ Tùng Dương	1	160	1	160	5	800	800	
246	Phạm Tuệ Lâm	B3	Phạm Xuân Huy	3	160	1	160	5	800	800	
247	Trần Ngọc Long	B3	Trần Ngọc Thiệu	2	160	1	160	5	800	800	

Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu(Thọc sinh/l tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỀN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
248	Hoàng Lương Ngọc Nhi	B3	Hoàng Anh Tuấn	X03 GThùy	160	1	160	5	800	800	
249	Lê Thanh Ngọc	B3	Lê Tuấn Anh	1	160	1	160	5	800	800	
250	Đình Hoàng Phúc	B3	Đình Văn Tiên	7	160	1	160	5	800	800	
251	Trần Thị Thu	B3	Trần Văn Nghị	1	160	1	160	5	800	800	
252	Nguyễn Hữu Triển	B3	Nguyễn Văn Tuyền	1	160	1	160	5	800	800	
253	Đặng Vũ Thảo Uyên	B3	Đặng Văn Chính	3	160	1	160	5	800	800	
254	Nguyễn Trần Quỳnh Chi	B3	Nguyễn Thiện Quý	Xã Giao Thủy	160	1	160	5	800	800	
255	Phạm Bảo An	C3	Phạm Văn Vương	6	160	1	160	5	800	800	
256	Trần Minh Bảo	C3	Trần Văn Toàn	2	160	1	160	5	800	800	
257	Đoàn Hải Đăng	C3	Đoàn Xuân Đê	4	160	1	160	5	800	800	
258	Trần Hải Đăng	C3	Trần Văn Hoàn	4	160	1	160	5	800	800	
259	Trần Hữu Minh Khoa	C3	Trần Văn Nam	3	160	1	160	5	800	800	
260	Vũ Anh Khôi	C3	Vũ Văn Tuyền	6	160	1	160	5	800	800	
261	Nguyễn Tiến Minh	C3	Nguyễn Văn Thuận	6	160	1	160	5	800	800	
262	Trần Đức Nhân	C3	Trần Văn Phong	6	160	1	160	5	800	800	
263	Lương An Nhiên	C3	Lương Văn Phú	6	160	1	160	5	800	800	
264	Nguyễn Tấn Phát	C3	Nguyễn Đức Huyện	4	160	1	160	5	800	800	Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí
265	Nguyễn Văn Phúc	C3	Nguyễn Văn Chiến	4	160	1	160	5	800	800	
266	Trần Hải Thiên	C3	Trần Văn Như	5	160	1	160	5	800	800	
267	Trịnh Minh Thủy	C3	Trịnh Văn Đồng	4	160	1	160	5	800	800	
268	Trần Tú Uyên	C3	Trần Anh Phong	5	160	1	160	5	800	800	
269	Trần Đức Vinh	C3	Trần Văn Quang	4	160	1	160	5	800	800	
270	Trần Thảo Vy	C3	Trần Văn Thức	4	160	1	160	5	800	800	
271	Trần Hoàng Yên	C3	Trần Quốc Bảo	5	160	1	160	5	800	800	
272	Trần Bảo Long	C3	Trần Văn Trinh	5	160	1	160	5	800	800	
273	Lương Tuấn Phong	C3	Lương Xuân Tân		160	1	160	5	800	800	
274	Trần Bình An	D3	Trần Văn Thương	6	160	1	160	5	800	800	
275	Lương Thiên Ân	D3	Lương Văn Thiện	7	160	1	160	5	800	800	
276	Bùi Bảo Anh	D3	Bùi Văn Thuận	7	160	1	160	5	800	800	
277	Trần Hoàng Bảo Anh	D3	Trần Văn Huynh	7	160	1	160	5	800	800	
278	Lưu Linh Đan	D3	Lưu Văn Long	2	160	1	160	5	800	800	
279	Phạm Tiến Đạt	D3	Phạm Văn Nghị	6	160	1	160	5	800	800	
280	Điền Hải Đăng	D3	Điền Văn Hoàn	6	160	1	160	5	800	800	
281	Vũ Gia Hân	D3	Vũ Trường Chính	7	160	1	160	5	800	800	
282	Bùi Anh Huy	D3	Bùi Văn Dự	6	160	1	160	5	800	800	
283	Lương Hoàng Khánh	D3	Lương Văn Toàn	6	160	1	160	5	800	800	

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu(1học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
284	Trần Nhật Khang	D3	Trần Anh Tuấn	7	160	1	160	5	800	800	
285	Phạm Duy Long	D3	Phạm Văn Thái	7	160	1	160	5	800	800	
286	Lương Diệu Nhi	D3	Lương Văn Luy	7	160	1	160	5	800	800	
287	Vũ An Nhiên	D3	Vũ Văn Tuyên	2	160	1	160	5	800	800	
288	Bùi Thanh Trúc	D3	Bùi Văn Vương	7	160	1	160	5	800	800	
289	Lê Anh Tú	D3	Lê Văn Bay	7	160	1	160	5	800	800	
290	Phạm Thảo Vy	D3	Phạm Văn Vương	Giao Phúc	160	1	160	5	800	800	
291	Đặng Ngọc Bảo Châu	D3	Đặng Văn Hai	Duyên Thọ	160	1	160	5	800	800	
292	Phạm Trần Gia An	A2	Phạm Ngọc Sơn	Xã Giao Thủy	160	1	160	5	800	800	
293	Nguyễn Kiều Anh	A2	Nguyễn Hùng Sang	2	160	1	160	5	800	800	
294	Ngô Gia Bảo	A2	Ngô Công Chiến	5	160	1	160	5	800	800	
295	Nguyễn Ngọc Bích	A2	Nguyễn Văn Sang	3	160	1	160	5	800	800	
296	Bùi Minh Công	A2	Bùi Văn Quyết	Xã Giao Phúc	160	1	160	5	800	800	
297	Phạm Kiều Diễm	A2	Phạm Văn Khởi	1	160	1	160	5	800	800	
298	Nguyễn Xuân Dũng	A2	Nguyễn Xuân Lương	1	160	1	160	5	800	800	
299	Lê Anh Dũng	A2	Lê Văn Quyết	1	160	1	160	5	800	800	
300	Nguyễn Ánh Dương	A2	Nguyễn Hữu Trường	2	160	1	160	5	800	800	
301	Lại Thành Đạt	A2	Lại Văn Như	1	160	1	160	5	800	800	
302	Đỗ Hải Đăng	A2	Đỗ Văn Thiện	1	160	1	160	2	320	320	
303	Trần Đình Hưng	A2	Trần Đình Hiệp	1	160	1	160	5	800	800	
304	Lộc Đăng Khoa	A2	Lộc Văn Khánh	2	160	1	160	5	800	800	
305	Phạm Tuyết Nhung	A2	Phạm Thọ Khả	2	160	1	160	5	800	800	
306	Cao Quỳnh Trâm	A2		Xã Giao Hưng	160	1	160	5	800	800	
307	Trần Thị Thanh Trúc	A2	Trần Duy Sáu	2	160	1	160	5	800	800	
308	Trần Hoàng Minh Trí	A2	Trần Văn Cương	2	160	1	160	5	800	800	
309	Bùi Trúc Nhi	A2	Bùi Nguyên Khắc	3	160	1	160	5	800	800	
310	Nguyễn Gia Huy	A2	Nguyễn Hữu Quyết	3	160	1	160	5	800	800	
311	Trần Đăng Khôi	A2	Trần Văn Thiện	1	160	1	160	3	480	480	
312	Trần Phạm Nhật Anh	B2	Trần Hoài Nam	5	160	1	160	5	800	800	
313	Đặng Đức Hoàng	B2	Đặng Văn Hưng	3	160	1	160	5	800	800	
314	Trần Đình Minh Khoa	B2	Trần Đình Hải	2	160	1	160	5	800	800	
315	Hoàng Bảo Linh	B2	Hoàng Văn Lịch	3	160	1	160	5	800	800	
316	Trịnh Thanh Mạnh	B2	Trịnh Thanh Trường	3	160	1	160	5	800	800	
317	Bùi Linh Nhi	B2	Đình Văn Tới	5	160	1	160	5	800	800	
318	Trần Minh Như	B2	Trần Đức Phước	5	160	1	160	5	800	800	
319	Vũ Mai Minh Thư	B2	Vũ Văn Vinh	4	160	1	160	5	800	800	

Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu (l học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
320	Nguyễn Sơn Tùng	B2	Nguyễn Văn Hiệp	1	160	1	160	5	800	800	
321	Phạm Minh Thư	B2	Phạm Văn Thắng	4	160	1	160	5	800	800	
322	Đoàn Ngọc Tú	B2	Đoàn Văn Hà	4	160	1	160	5	800	800	
323	Đoàn Nam Tuấn	B2	Đoàn Văn Minh	3	160	1	160	5	800	800	
324	Trần Đức Anh	B2	Trần Văn Điện	2	160	1	160	5	800	800	
325	Vũ Hải Nam	B2	Vũ Văn Tuyên	3	160	1	160	5	800	800	
326	Trần Ngọc Long	B2	Trần Ngọc Mạnh	2	160	1	160	5	800	800	
327	Đoàn Minh Khang	B2	Đoàn Anh Văn	4	160	1	160	5	800	800	
328	Vũ Đức Thịnh	B2	Vũ Văn Triển	4	160	1	160	5	800	800	
329	Lê Minh Khang	B2	Lê Văn Vinh	1	160	1	160	3	480	480	
330	Đặng Phương Hiền	B2	Đặng Văn Hiến	3	160	1	160	3	480	480	
331	Trần Đức Anh	C2	Trần Văn Chinh	5	160	1	160	5	800	800	
332	Trần Khánh An	C2	Trần Văn Phúc	2	160	1	160	5	800	800	
333	Trần Thủy Chi	C2	Trần Văn Bắc	7	160	1	160	5	800	800	
334	Trần Minh Đức	C2	Trần Văn Thế	7	160	1	160	5	800	800	
335	Trần Minh Dương	C2	Trần Văn Như	5	160	1	160	5	800	800	
336	Đình Đức Hiếu	C2	Đình Văn Tới	7	160	1	160	5	800	800	
337	Nguyễn Huy Hoàng	C2	Nguyễn Đức Chiến	7	160	1	160	5	800	800	
338	Trần Kha Hân	C2	Trần Văn Huynh	5	160	1	160	5	800	800	
339	Trần Gia Hân	C2	Trần Xuân Dương	5	160	1	160	5	800	800	
340	Trần Gia Huy	C2	Trần Văn Thủy	7	160	1	160	5	800	800	
341	Trần Mạnh Hùng	C2	Trần Văn Hiếu	7	160	1	160	5	800	800	
342	Vũ Khánh Huyền	C2	Vũ Đức Đệ	6	160	1	160	5	800	800	
343	Bùi Nguyễn Minh Khôi	C2	Bùi Văn Đắc	7	160	1	160	5	800	800	
344	Trần Minh Khang	C2	Trần Thanh Tùng	5	160	1	160	5	800	800	
345	Trần Bảo Ngọc	C2	Trần Văn Mỹ	6	160	1	160	5	800	800	
346	Hà Tuệ Nhi	C2	Hà Tuấn Anh	7	160	1	160	5	800	800	
347	Trần Nhật Nam	C2	Trần Khắc Hiệp	4	160	1	160	5	800	800	
348	Đặng Phương Nhung	C2	Đặng Văn Duẩn	6	160	1	160	5	800	800	
349	Trịnh Ngọc An Nhiên	C2	Trịnh Xuân Trường	6	160	1	160	5	800	800	
350	Bùi Trần Nhật Thanh	C2	Bùi Thị Yến	7	160	1	160	5	800	800	
351	Trần Vũ Bảo Trâm	C2	Trần Ngân Giang	6	160	1	160	5	800	800	
352	Trần Quỳnh Thương	C2	Trần Ngọc Thánh	7	160	1	160	5	800	800	
353	Vũ Thanh Vân	C2	Vũ Văn Đăng	6	160	1	160	5	800	800	
354	Phan Mai An Nhi	C2	Phan Văn Tiệp	Xã Giao Thủy	160	1	160	5	800	800	
355	Nguyễn Ngọc An Nhiên	C2	Nguyễn Đức Du	Xã Giao Phúc	160	1	160	5	800	800	

Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Định mức thu (1 học sinh/1 tháng)	KINH PHÍ CẤP BÙ MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-				Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù HK II năm học 2025-2026	Đối tượng
						Số lượng trẻ	Số tiền học phí miễn / 1 Tháng	Số tháng	Tổng số tiền		
356	Điền Anh Thư	C2	Điền Văn Hoàn	6	160	1	160	5	800	800	Đối tượng trẻ Mầm non được miễn 100% học phí
357	Nguyễn Ngọc Ánh	C2	Nguyễn Huy Hoàng	7	160	1	160	5	800	800	
358	Mai Thị Khánh Huyền	C2	Mai Văn Thiện	7	160	1	160	5	800	800	
359	Trần Đăng Khôi	C2	Trần Văn Phong	7	160	1	160	5	800	800	
360	Trần Lê Thảo Nhi	C2	Trần Văn Thắng	1	160	1	160	5	800	800	
361	Lương Anh Chúc	C2	Lương Văn Nam	6	160	1	160	5	800	800	
362	Mai Phúc Đăng	C2	Mai Thúc Lân	6	160	1	160	5	800	800	

Số tiền bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.

Lưu ý: Đối với cấp Mầm non Mức thu 160.000đ/HS/Tháng; Đối với cấp THCS mức thu 150.000đ/HS/Tháng

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Thang

Nguyễn Thị Thu Hằng



HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Huệ

UBND XÃ GIAO HƯNG
TRƯỜNG MN GIAO LONG

Số: 29/QĐ- MNGL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Giao Hưng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập
Học kỳ II năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON GIAO LONG

- Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

- Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách năm 2025 cho UBND các xã, phường để thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách;

- Căn cứ Công văn số 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

- Căn cứ Công văn số 532/UBND-PKT ngày 28/10/2025 của UBND xã Giao Hưng V/v triển khai chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP; TT42.

- Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Giao Hưng về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của UBND xã Giao Hưng về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã;

- Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Giao Hưng về việc điều chỉnh mã nguồn dự toán ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập xã Giao Hưng năm 2026;

Căn cứ hồ sơ xét duyệt của học sinh;

Xét ý kiến thống nhất của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ CPHT cho học sinh Học kỳ II – Năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ CPHT Học kỳ II năm học 2025-2026 như sau:

- Tổng số học sinh được hỗ trợ CPHT học kỳ II năm học 2025-2026 là: 02 học sinh (Có danh sách chi tiết kèm theo).

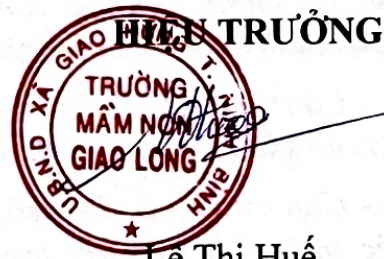
Tổng số kinh phí hỗ trợ CPHT năm học 2025-2026 là: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Điều 2: Hội đồng xét duyệt giao cho giáo viên chủ nhiệm các lớp có học sinh trong các danh sách ở Điều 1 thông báo đến học sinh và phối hợp với bộ phận tài vụ nhà trường để tổ chức thực hiện công tác miễn học phí và hỗ trợ CPHT theo quy định.

Điều 3: Bộ phận văn phòng, tài vụ nhà trường. Hội đồng xét duyệt của đơn vị, giáo viên chủ nhiệm lớp và các học sinh có tên trong Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



Lê Thị Huế

UBND XÃ GIAO HƯNG

Trường: Mầm non Giao Long

DANH SÁCH CHI TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của TTCP

Học kỳ II: Năm học 2025-2026

Đơn vị tính: 1000đ

(Kèm theo quyết định số 29/QĐ-MNGL, ngày 02/03/2026 của Hiệu trưởng Trường MN Giao Long)

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Họ và tên cha(mẹ)	Xóm (Đội)	Kinh Phí hỗ trợ CPHT kì I năm 2025-2026					Kinh Phí hỗ trợ CPHT kì II năm 2025-2026					Tổng nhu cầu kinh phí cần cấp học năm 2025-2026	Ghi chú	
					Mức hỗ trợ CPHT 1 tháng/học sinh	Tổng số học sinh	Đối tượng: Mô côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, tàn tật, khuyết tật KK về KT	Đối tượng: Con hộ nghèo	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Mức hỗ trợ CPHT 1 tháng/học sinh	Tổng số học sinh	Đối tượng: Mô côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, tàn tật, khuyết tật KK về KT	Đối tượng: Con hộ nghèo			Số tháng được hỗ trợ
Tổng cộng					0	0	0	0	0	150	1	0	1	5	750	1.500	
1	Trần Đình Đức	A5	Trần Thị Di	Xóm 2						150	1		1	5	750	750	
2	Đỗ Phạm Diệu Linh	A3	Đỗ Văn Bằng	Xóm 3						150	1		1	5	750	750	

Số tiền bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng ./.

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

Giao Hưng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Huế